



**CÔNG TY CỔ PHẦN THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẮC NINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax consulting
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Công ty Cổ phần Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị:**

Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Phương Quý	Thành viên HĐQT
Ông Lê Xuân Kháng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Quyết	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Hiệp	Thành viên HĐQT

**Ban Giám đốc:**

Ông Nguyễn Xuân Quyết	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tiến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hiệp	Phó Giám đốc

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Quyết.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



---

**Nguyễn Xuân Quyết**  
**Giám đốc**

*Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019*

Số: 046 /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05 tháng 03 năm 2019 từ trang 04 đến trang 16, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Đức Tiến**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
0517-2018-156-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, Ngày 05 tháng 03 năm 2019



**Phạm Xuân Sơn**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
1450-2018-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018*

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>52.282.788.181</b>	<b>48.689.369.090</b>
<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>366.400.129</b>	<b>1.330.923.637</b>
1. Tiền	111		366.400.129	330.923.637
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>46.000.000.000</b>	<b>39.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<b>5</b>	46.000.000.000	39.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.458.989.194</b>	<b>7.697.986.336</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>6</b>	4.318.306.189	6.145.686.071
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>7</b>	79.807.900	1.404.900.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		60.875.105	147.400.265
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>1.323.070.338</b>	<b>581.076.064</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.323.070.338	581.076.064
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>134.328.520</b>	<b>79.383.053</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		134.328.520	79.383.053
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.827.453.259</b>	<b>9.482.415.686</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.408.056.602</b>	<b>8.897.965.030</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>9</b>	9.601.750.375	8.043.759.423
- Nguyên giá	222		13.556.365.813	10.323.857.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.954.615.438)	(2.280.097.827)
2. Tài sản cố định vô hình	227		806.306.227	854.205.607
- Nguyên giá	228		957.987.597	957.987.597
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(151.681.370)	(103.781.990)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>419.396.657</b>	<b>584.450.656</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		419.396.657	584.450.656
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>63.110.241.440</b>	<b>58.171.784.776</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018*

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.645.436.421</b>	<b>9.552.483.050</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.602.436.421</b>	<b>9.509.483.050</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	1.270.667.868	1.151.176.514
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		285.701	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	4.601.684.834	2.818.216.750
4. Phải trả người lao động	314		3.026.989.041	4.791.349.572
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		334.186.267	510.435.066
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		262.584.509	230.172.947
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		106.038.201	8.132.201
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>43.000.000</b>	<b>43.000.000</b>
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		43.000.000	43.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>53.464.805.019</b>	<b>48.619.301.726</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>53.464.805.019</b>	<b>48.619.301.726</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		44.175.920.000	44.175.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.175.920.000	44.175.920.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(437.000.000)	(437.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.190.392.000	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.535.493.019	4.880.381.726
			20.674.242	4.880.381.726
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a			
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.514.818.777	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>63.110.241.440</b>	<b>58.171.784.776</b>



**Nguyễn Xuân Quyết**  
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

**Nguyễn Vũ Thu Hoan**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Vũ Thu Hoan**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	45.148.677.383	35.402.728.191
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		45.148.677.383	35.402.728.191
3. Giá vốn hàng bán	11	14	32.168.532.205	25.648.128.374
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.980.145.178	9.754.599.817
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	1.958.227.533	1.227.507.076
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	4.294.849.240	4.881.629.735
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>10.643.523.471</b>	<b>6.100.477.158</b>
8. Thu nhập khác	31		-	-
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.643.523.471	6.100.477.158
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	2.128.704.694	1.220.095.432
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.514.818.777	4.880.381.726
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.947	1.110



Nguyễn Xuân Quyết  
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01	51.491.210.717	28.539.946.270
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(16.898.253.368)	(13.213.773.536)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.056.059.803)	(9.631.660.112)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.160.003.005)	(117.447.874)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.492.320.087	1.646.773.040
6. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(7.379.637.622)	(4.090.760.397)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10.489.577.006</b>	<b>3.133.077.391</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.232.508.563)	(1.224.507.947)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(92.300.000.000)	(113.568.278.028)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	85.300.000.000	74.568.278.028
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.958.227.533	1.227.507.076
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.274.281.030)</b>	<b>(38.997.000.871)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(437.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.179.819.484)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.179.819.484)</b>	<b>(437.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)</b>	<b>50</b>	<b>(964.523.508)</b>	<b>(36.300.923.480)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.330.923.637</b>	<b>37.631.847.117</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>366.400.129</b>	<b>1.330.923.637</b>



Nguyễn Xuân Quyết  
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh được tách từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh và thành lập theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300898204 ngày 21 tháng 10 năm 2015.

Bắt đầu từ ngày 23/02/2017, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu sang mô hình Công ty Cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần số 2300898204 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/02/2017.

Vốn điều lệ của Công ty là: 44.175.920.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2018 là 128 người (tại ngày 31/12/2017 là 125 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đô thị, công nghiệp, nông thôn; Hệ thống xử lý rác thải, tái chế chất thải. Quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.

Trụ sở chính của Công ty: Đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### **2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các thuyết minh số 17;*
- d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b và c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

##### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. .

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm xe ô tô. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

##### Nợ phải trả

Nợ phải thu là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

##### Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các thành viên góp vốn.

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	24.429.322	60.115.079
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	341.970.807	270.808.558
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	<b>366.400.129</b>	<b>1.330.923.637</b>

#### 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<b>4.318.306.189</b>	<b>6.145.686.071</b>
UBND Thành phố Bắc Ninh	3.424.658.555	3.508.451.820
Đối tượng khác	893.647.634	2.637.234.251

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<b>79.807.900</b>	<b>1.404.900.000</b>
Công ty CP Ô tô An Thái CONECO	-	1.389.600.000
Các đối tượng khác	79.807.900	15.300.000
	<b>79.807.900</b>	<b>1.404.900.000</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	616.178.160	-	357.997.188	-
Công cụ, dụng cụ	78.429.000	-	7.528.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	628.463.178	-	215.550.876	-
<b>Cộng</b>	<b>1.323.070.338</b>	<b>-</b>	<b>581.076.064</b>	<b>-</b>

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Đơn vị: VND			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	6.012.584.844	89.879.027	4.221.393.379	10.323.857.250
Mua trong năm	74.326.745	-	3.158.181.818	3.232.508.563
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.086.911.589</b>	<b>89.879.027</b>	<b>7.379.575.197</b>	<b>13.556.365.813</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
Số dư đầu năm	1.082.452.551	55.137.096	1.142.508.180	2.280.097.827
Khấu hao trong kỳ	514.263.644	10.794.394	1.149.459.573	1.674.517.611
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.596.716.195</b>	<b>65.931.490</b>	<b>2.291.967.753</b>	<b>3.954.615.438</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	4.930.132.293	34.741.931	3.078.885.199	8.043.759.423
Số dư cuối năm	4.490.195.394	23.947.537	5.087.607.444	9.601.750.375

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng là 33.927.273 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.270.667.868</b>	<b>1.270.667.868</b>	<b>1.151.176.514</b>	<b>1.151.176.514</b>
Công ty TNHH Hóa chất Thanh Bình	164.956.000	164.956.000	218.515.000	218.515.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hải Viên	217.995.993	217.995.993	374.066.000	374.066.000
Công ty TNHH Khánh Hưng Bắc Ninh	81.078.800	81.078.800	131.078.800	131.078.800
Công ty TNHH DV Vận tải Thương mại Bảo Sơn	179.520.000	179.520.000	-	-
Các đối tượng khác	627.117.075	627.117.075	427.516.714	427.516.714

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.687.844.368	986.946.190	843.987.329	1.830.803.229
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.110.003.005	2.128.704.694	1.160.003.005	2.078.704.694
Thuế thu nhập cá nhân	20.369.377	239.883.661	181.650.887	78.602.151
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	818.099.680	204.524.920	613.574.760
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>2.818.216.750</b>	<b>4.176.634.225</b>	<b>2.393.166.141</b>	<b>4.601.684.834</b>

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Đơn vị: VND Lợi nhuận chưa phân phối
	<b>Số dư tại 23/02/2017</b>	<b>44.175.920.000</b>	-	<b>172.000.000</b>
Mua trong năm		(437.000.000)	-	-
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	4.880.381.726
Tăng/(giảm) khác	-	-	(172.000.000)	(18.918.152)
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>44.175.920.000</b>	<b>(437.000.000)</b>	-	<b>4.880.381.726</b>
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	8.514.818.777
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	1.190.392.000	(4.540.267.484)
Tăng/(giảm) khác (ii)	-	-	-	(319.440.000)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>44.175.920.000</b>	<b>(437.000.000)</b>	<b>1.190.392.000</b>	<b>8.535.493.019</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Ghi chú:

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2018 của Đại Hội Đồng Cổ đông, theo đó:

- Trích quỹ đầu tư phát triển : 1.190.392.000 VND.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 170.056.000 VND
- Chia cổ tức : 3.179.819.484 VND.

Cổ tức đã trả trong năm là: 3.179.819.484 VND.

(ii) Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2018	
	VND	(%)
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền	30.708.100.000	69,51
UBND tỉnh Bắc Ninh	9.747.820.000	22,07
Các cổ đông khác	3.720.000.000	8,42
	<b>44.175.920.000</b>	<b>100</b>

**13. DOANH THU THUẬN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.148.677.383	35.402.728.191
	<b>45.148.677.383</b>	<b>35.402.728.191</b>

**14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.168.532.205	25.648.128.374
	<b>32.168.532.205</b>	<b>25.648.128.374</b>

**15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.533.775.960	4.926.134.668
Chi phí nhân công	18.889.664.106	16.718.316.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.722.416.991	1.153.212.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.452.664.599	4.902.802.388
Chi phí khác bằng tiền	1.277.772.091	2.253.097.796
	<b>36.876.293.747</b>	<b>29.953.564.066</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.958.227.533	1.227.507.076
	<b>1.958.227.533</b>	<b>1.227.507.076</b>

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	2.085.397.528	2.690.700.260
Chi phí đồ dùng văn phòng	366.282.875	307.036.607
Chi phí khấu hao TSCĐ	684.611.238	625.070.323
Thuế, phí và lệ phí	537.083.750	513.435.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.119.265	346.398.657
Các khoản chi phí QLDN khác	350.354.584	398.988.822
	<b>4.294.849.240</b>	<b>4.881.629.735</b>

**18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	10.643.523.471	6.100.477.158
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.643.523.471	6.100.477.158
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<i>10.643.523.471</i>	<i>6.100.477.158</i>
<i>Thuế suất thông thường thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>2.128.704.694</b>	<b>1.220.095.432</b>

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.514.818.777	4.880.381.726
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	4.373.892	4.396.798
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.947	1.110
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	100.000	100.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

**Giao dịch với các bên liên quan**

**Thu nhập của Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc**

	Năm 2018	Từ 23/02/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	880.542.000	678.069.000

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 23/02/2017 (ngày chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần) đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.



\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Xuân Quyết**  
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2019

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Vũ Thu Hoan**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Vũ Thu Hoan**  
Người lập biểu